

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Truyền thông VMG là Công ty Cổ phần hoạt động theo luật doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103010890 ngày 10/02/2006.

- Chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 10/02/2006.
- Chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 17/3/2006 về việc thay đổi số cổ phần.
- Chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 04/08/2006 về việc thay đổi số cổ đông sáng lập.
- Chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 02/03/2007 về việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.
- Chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 18/9/08 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 23/10/08 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và tên Công ty.
- Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 09/6/09 về việc thay đổi tên cổ đông sáng lập.
- Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 03/02/2010 về việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh.
- Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 02/07/2010 về việc thay đổi số lượng cổ phần cổ đông sáng lập, vốn điều lệ, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 29/08/2010 về việc thay đổi địa chỉ Công ty và vốn điều lệ.
- Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 10/12/2010 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười một ngày 13/07/2011 về việc thay đổi số cổ phần được quyền chào bán.
- Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 19/08/2011 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2011 theo đăng ký kinh doanh: 100.000.000.000 VND, được chia thành 10.000.000 cổ phần.

Vốn thực góp tại ngày 31/12/2011 là: 100.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Toà nhà Viễn Đông, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

02. Lĩnh vực kinh doanh

- Sản xuất và cung cấp các dịch vụ tư vấn phần mềm máy tính.
- Sản xuất, sửa chữa và cung cấp các dịch vụ tư vấn phần cứng máy tính.
- Dịch vụ quảng cáo, tổ chức sự kiện, hoạt động quan hệ công chúng.

- Dịch vụ nghiên cứu thị trường.
- Dịch vụ lưu trữ và cung cấp thông tin, khai thác dữ liệu, cung cấp dữ liệu, xử lý dữ liệu (trừ các thông tin Nhà nước cấm).
- Dịch vụ vui chơi giải trí trên truyền hình, các phương tiện thông tin đại chúng (trừ các loại hình vui chơi giải trí nhà nước cấm).
- Đại lý cung cấp và khai thác các dịch vụ gia tăng giá trị trên mạng viễn thông, Internet Việt Nam.
- Mua bán thiết bị, máy móc phục vụ trong ngành truyền thông, viễn thông, công nghệ thông tin.
- Sản xuất, mua bán, tổ chức các chương trình phát thanh, truyền hình, biểu diễn nghệ thuật sân khấu (trừ các dịch vụ nhà nước cấm).
- Dịch vụ đào tạo.
- Dịch vụ truyền thông, phát hành xuất bản phẩm (sách, báo, tạp chí định kỳ).
- Đầu tư kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất).
- Thiết kế mẫu in, in và các loại dịch vụ liên quan đến in (theo quy định của pháp luật hiện hành).

Trụ sở hoạt động của công ty: Toà nhà Viễn Đông, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

03. Các công ty con

- Tổng số các công ty con: 4
- Số công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính: 1
- Số công ty con không hợp nhất báo cáo tài chính: 3
- Danh sách các công ty con không hợp nhất

Công ty Cổ phần Truyền thông VietNamNet M5	Đã ngừng hoạt động từ năm 2009
<i>Số 1, ngõ 196, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội</i>	
Công ty Cổ phần Truyền thông VietNamNet Ngôi Sao	Đã ngừng hoạt động từ năm 2009
<i>181 Võ Văn Tần - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh</i>	
Công ty Cổ phần VietNamNet Phương Nam	Đã ngừng hoạt động từ năm 2009
<i>12 Phan Kế Bính, Phường Đa Cao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh</i>	Năm 2011 đã giải thể
- Danh sách các công ty con hợp nhất

Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT	Mua mới năm 2011
<i>Tầng 3, Tòa nhà Viễn Đông, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội</i>	

04. Các công ty liên kết:

- Tổng số các công ty liên kết: 1
- Số công ty liên kết được áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất: 1

Tên, địa chỉ công ty liên kết	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2010	Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2010
Công ty Cổ phần Truyền thông VNNPLUS Toà nhà Như Nguyễn, số 18, ngõ 11, Thái Hà, Hà Nội	29.57 %	29.57 %

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính theo hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**01. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

02. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được thực hiện theo Chuẩn mực số 25- Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con, Chuẩn mực số 07- Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết, Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.

Công ty con không hợp nhất

Công ty Cổ phần Truyền thông VietNamNet M5

Công ty Cổ phần VietNamNet Phương Nam

Công ty Cổ phần Truyền thông VietNamNet Ngôi Sao

Năm 2011, các Công ty con gồm: Công ty Cổ phần Truyền thông VietNamNet M5; Công ty Cổ phần Truyền thông VietNamNet Ngôi Sao không hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất do đã ngừng hoạt động và đang tiến hành các thủ tục giải thể. Công ty Cổ phần VietNamNet Phương Nam không được hợp nhất do Công ty đã ngừng hoạt động và đã tiến hành giải thể trong năm 2011. Số dư đầu kỳ và số liệu so sánh năm 2010 cũng không hợp nhất số liệu của các Công ty con này.

Các công ty con này được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc. (Chi tiết theo thuyết minh *Đầu tư vào công ty con trang 22,23*)

Công ty con hợp nhất

Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT

Báo cáo tài chính được dùng để hợp nhất bao gồm: Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Truyền thông VMG (công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Thanh toán Điện tử VNPT (Epay).

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý không được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất kể từ sau ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng mối quan hệ công ty mẹ - công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích cổ đông thiểu số thể hiện phần phân chia trong tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh không thuộc sở hữu của Công ty và được trình bày riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công ty con được hợp nhất theo phương pháp mua. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra trao đổi cộng với các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc mua. Khoản vượt trội giữa chi phí mua và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản thuần nhỏ hơn chi phí mua, phần chênh lệch này được ghi ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc.

03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với các TSCĐ được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá TSCĐ là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao. Khi quyết toán công trình được duyệt, nguyên giá TSCĐ sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian tính khấu hao TSCĐ được thực hiện theo Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

- Máy móc, thiết bị
- Phương tiện vận tải

5-10 năm
6-12 năm

- Dụng cụ quản lý	4-10 năm
- Tài sản vô hình	3-8 năm
- Các tài sản khác	4 năm

Riêng tài sản cố định sử dụng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông năm 2011, đơn vị thực hiện thay đổi thời gian trích khấu hao cho toàn bộ tài sản cố định sử dụng, mức khấu hao được trích tối đa bằng 02 lần mức khấu hao theo đường thẳng quy định tại Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính, việc thay đổi khung thời gian gian khấu hao nhanh là do sau khi xem xét, đánh giá lại thời gian sử dụng tài sản cố định đơn vị thấy cần thực hiện khấu hao nhanh để thu hồi vốn và đổi mới công nghệ để bắt kịp với công nghệ mới, tiên tiến do hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ truyền thông các tài sản cố định, công nghệ thay đổi nhanh, mức thay đổi cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao năm trước	Thời gian khấu hao mới
- Máy móc, thiết bị	3-6 năm	1,5 – 3 năm
- Phương tiện vận tải	6-8 năm	3-4 năm
- Phần mềm quản lý	3-6 năm	1,5 – 3 năm
- Tài sản khác	3-6 năm	1,5 -3 năm

Việc thay đổi khung thời gian trích khấu hao làm chi phí khấu hao trong năm 2011 tăng thêm 1.957.142.900 đ so với khấu hao theo khung thời gian cũ.

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm cả chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian hữu ích được ước tính là năm (5) năm.

08. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết trong báo cáo hợp nhất được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Khoản đầu tư tài chính khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh sau khi có quyết định chính thức của Hội đồng quản trị tại của các công ty này về phân chia lợi nhuận. Các khoản

được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

09. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu của Công ty.

Cổ phiếu quỹ: Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua để tái phát hành trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia chia phần tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Cổ phiếu quỹ được phản ánh trên Báo cáo tài chính là giá thực tế mua lại, bao gồm: giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại

số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Phương pháp xác định doanh thu của một số dịch vụ chủ yếu

- Doanh thu dịch vụ gia tăng giá trị trên mạng viễn thông được xác định trên cơ sở dịch vụ hoàn thành, Biên bản xác nhận đối soát sản lượng cước và hoá đơn phát hành cho khách hàng.
- Doanh thu các dịch vụ khác được xác định trên cơ sở hợp đồng cung cấp dịch vụ và biên bản nghiệm thu dịch vụ hoàn thành của khách hàng và hóa đơn phát hành cho khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Khoản lãi thanh lý công ty con được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính, là phần chênh lệch giá bán trừ giá gốc của khoản đầu tư và các khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Năm 2011, đơn vị chưa xác định khoản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ khoản lỗ của Công ty con kể từ thời điểm mua Công ty con số tiền lỗ: (5.363.328.176) đồng và chưa tính và xác định tài sản thuế TNDN hoãn lại từ các khoản lỗ lũy kế trước thời điểm mua. Đến 31/12/2011, số lỗ lũy kế của Công ty con là: (32.231.736.424) đồng.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Doanh nghiệp chịu thuế suất thuế TNDN là 25%.